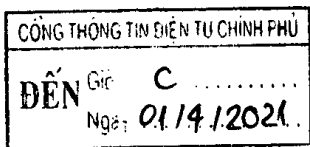


TTĐT(2)

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 512 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021



**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG KIỂM TRA NHÀ NƯỚC**  
**VỀ CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 (sau đây gọi là Luật số 50/2014/QH13); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sau đây gọi là Luật số 62/2020/QH14);*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng (sau đây gọi là Hội đồng) để kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 123 Luật số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 45 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 và tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng**

**1. Nhiệm vụ:**

a) Kiểm tra công tác nghiệm thu bao gồm: định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình thi công xây dựng; tại các giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình để đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 6 Quyết định này;

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hàng năm về kết quả hoạt động của Hội đồng, tình hình triển khai thi công xây dựng, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; báo cáo đột xuất về những vấn đề kỹ thuật phát sinh, các khó khăn, vướng mắc, bất cập vượt thẩm quyền cần có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

c) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các công trình Hội đồng tổ chức kiểm tra hàng năm;

d) Ban hành quy chế hoạt động làm cơ sở để triển khai các công việc của Hội đồng và các tổ chức, cá nhân giúp việc cho Hội đồng;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

## 2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu và các cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho hoạt động của Hội đồng;

b) Chủ trì hoặc yêu cầu chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức liên quan giải quyết các vấn đề tồn tại hoặc xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh được Hội đồng phát hiện trong quá trình kiểm tra công trình;

c) Yêu cầu chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với các tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, có nguy cơ xảy ra sự cố công trình xây dựng; đình chỉ tham gia xây dựng công trình đối với cá nhân liên quan không đáp ứng điều kiện hành nghề theo quy định;

d) Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình;

đ) Yêu cầu chủ đầu tư tổ chức lựa chọn các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài có chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực phù hợp theo quy định của pháp luật để tư vấn, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phát sinh hoặc kiểm định chất lượng công trình.

## **Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng**

1. Chủ tịch Hội đồng: Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng:

a) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Thứ trưởng Bộ Xây dựng;

b) Thứ trưởng Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có liên quan;

c) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng công trình.

### 3. Các Ủy viên Hội đồng:

a) Ủy viên Thường trực Hội đồng: Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;

b) Lãnh đạo cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn theo phân công (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn) trực thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có liên quan;

c) Giám đốc Sở Xây dựng địa phương nơi xây dựng công trình;

d) Lãnh đạo Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành địa phương nơi xây dựng công trình;

đ) Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư xây dựng công trình.

### 4. Các tổ chức, cá nhân giúp việc cho Hội đồng:

a) Cơ quan Thường trực Hội đồng là Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng;

b) Tổ chuyên gia Hội đồng gồm các chuyên gia có năng lực, kinh nghiệm chuyên môn phù hợp;

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có liên quan;

d) Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài do Hội đồng giới thiệu được chủ đầu tư tổ chức lựa chọn theo quy định của pháp luật để tư vấn, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phát sinh hoặc kiểm định chất lượng công trình.

## **Điều 4. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng và các tổ chức, cá nhân giúp việc cho Hội đồng**

### 1. Các thành viên Hội đồng:

a) Chủ tịch: ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng, chỉ đạo chung các hoạt động của Hội đồng;

b) Phó Chủ tịch Thường trực: giúp Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều hành các hoạt động thường xuyên của Hội đồng; triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Hội đồng và ký các văn bản, báo cáo Thủ tướng Chính phủ khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền; thực hiện trách nhiệm nêu tại điểm c khoản này;

c) Các Phó Chủ tịch: thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công; tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng; chỉ đạo các cơ quan trực thuộc có liên quan thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng; tham gia chỉ đạo, giải quyết, có ý kiến về các vấn đề liên quan đến kết quả kiểm tra của Hội đồng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

d) Ủy viên Thường trực: trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động của Cơ quan Thường trực Hội đồng, Tổ chuyên gia; thực hiện trách nhiệm nêu tại điểm đ khoản này;

đ) Các Ủy viên: thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công; tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng; tham gia giải quyết, có ý kiến về các vấn đề liên quan đến kết quả kiểm tra của Hội đồng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến công trình giúp Hội đồng trong hoạt động kiểm tra công tác nghiệm thu công trình.

## 2. Cơ quan Thường trực Hội đồng:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng tổ chức các hoạt động chung của Hội đồng; tổ chức hoạt động của Tổ chuyên gia, các tổ chức, cá nhân giúp việc cho Hội đồng; phối hợp với các thành viên Hội đồng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện các công việc của Hội đồng;

b) Lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng, quản lý tài chính, hành chính của Hội đồng;

c) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Quyết định này và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

3. Tổ Chuyên gia Hội đồng: tham gia các đợt kiểm tra của Hội đồng; có ý kiến về các vấn đề chuyên môn kỹ thuật; báo cáo kết quả về Hội đồng sau mỗi đợt kiểm tra; chịu trách nhiệm về kết luận và đánh giá của mình về các vấn đề kỹ thuật liên quan đến công trình.

4. Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có liên quan: báo cáo Hội đồng về công tác quản lý nhà nước liên quan đến công trình theo chức năng, nhiệm vụ để phục vụ cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu của Hội đồng tại giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng và khi hoàn thành thi công xây dựng đưa hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng.

5. Hoạt động kiểm tra của Hội đồng không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng**

1. Đảm bảo sự độc lập khách quan, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình và các pháp luật khác liên quan trong quá trình kiểm tra.

2. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

3. Phiên họp Hội đồng về chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư và phiên họp về các kết luận quan trọng do Chủ tịch Hội đồng quyết định theo nguyên tắc như sau:

a) Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm tham dự, trường hợp thành viên Hội đồng không thể tham dự thì phải ủy quyền cho người đại diện có thẩm quyền tham dự. Phiên họp được tổ chức khi có trên 50% số thành viên tham dự (kể cả người được ủy quyền);

b) Ý kiến các thành viên Hội đồng được thể hiện bằng phiếu ý kiến. Kết luận của Hội đồng tại các phiên họp này phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thông qua. Trường hợp không đạt được tỷ lệ đồng thuận theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Kết luận của Hội đồng căn cứ vào kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư và của các nhà thầu có liên quan, ý kiến đánh giá chuyên môn của Tổ chuyên gia, tổ chức tư vấn, Cơ quan Thường trực Hội đồng, Cơ quan chuyên môn có liên quan, ý kiến của các thành viên Hội đồng.

5. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về các kết luận và quyết định của Hội đồng.

## **Điều 6. Hoạt động kiểm tra của Hội đồng**

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng:

a) Căn cứ tiến độ thi công xây dựng công trình, Hội đồng tổ chức kiểm tra hiện trường công trình định kỳ từ 3 tháng đến 6 tháng/lần hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết;

b) Nội dung kiểm tra bao gồm: các nội dung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Sau mỗi đợt kiểm tra, Hội đồng thông báo kết quả kiểm tra gửi chủ đầu tư, các cơ quan liên quan.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu tại các giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng và khi hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng:

a) Sau khi chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, chủ đầu tư gửi về Hội đồng 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển bước thi công quan trọng hoặc hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 06/2021/NĐ-CP để được xem xét kiểm tra chấp thuận kết quả nghiệm thu;

b) Hội đồng tổ chức kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của các nhà thầu và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Hội đồng ra văn bản thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư hoặc ra văn bản không chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư, trong đó nêu rõ các nội dung còn tồn tại cần được khắc phục.

Trường hợp hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì Hội đồng sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

3. Hội đồng được giao Cơ quan Thường trực Hội đồng tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc một phần công trình để đưa vào khai thác, sử dụng và báo cáo kết quả kiểm tra để Hội đồng xem xét, quyết định.

4. Trong quá trình kiểm tra của Hội đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Cử người đại diện theo pháp luật tham gia Hội đồng;

b) Báo cáo Hội đồng về thông tin công trình theo nội dung quy định tại Phụ lục V Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; cung cấp các tài liệu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế công trình;

c) Báo cáo Hội đồng kế hoạch nghiệm thu giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng (nếu có) để Hội đồng xem xét quyết định việc tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định;

d) Báo cáo Hội đồng về tiến độ thi công xây dựng, tình hình quản lý chất lượng công trình định kỳ hàng quý và trước mỗi đợt kiểm tra của Hội đồng; báo cáo kịp thời các sự cố về chất lượng hoặc các vấn đề kỹ thuật phát sinh (nếu có) của công trình;

đ) Báo cáo Hội đồng về việc thực hiện kiểm định đánh giá chất lượng công trình theo yêu cầu của Hợp đồng hoặc quy định tại Chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) để Hội đồng có kế hoạch xem xét, góp ý đề cương kiểm định và đánh giá báo cáo kết quả kiểm định;

e) Thực hiện nghiêm các yêu cầu, kết luận của Hội đồng, tổ chức khắc phục các tồn tại, khiếm khuyết, nghiên cứu tiếp thu các khuyến cáo của Hội đồng và có báo cáo giải trình bằng văn bản gửi Hội đồng;

g) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng, các tổ chức và cá nhân giúp việc cho Hội đồng thực hiện hiệu quả các công việc được giao.

### **Điều 7. Hiệu lực pháp lý của các ý kiến, kết luận, quyết định của Hội đồng**

1. Các ý kiến nhận xét, khuyến cáo, yêu cầu, kết luận của Hội đồng được thể hiện trong các văn bản của Hội đồng hoặc của các cơ quan giúp việc cho Hội đồng khi được ủy quyền.

2. Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu của Hội đồng là căn cứ pháp lý để chủ đầu tư tổ chức chuyển bước thi công tại các giai đoạn thi công quan trọng hoặc đưa công trình, hạng mục công trình vào khai thác, sử dụng và triển khai các bước tiếp theo.

3. Trường hợp chủ đầu tư, các nhà thầu có ý kiến khác với các yêu cầu, kết luận, quyết định của Hội đồng thì được bảo lưu và phải có văn bản giải trình, làm rõ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền.

4. Hội đồng sử dụng con dấu của Bộ Xây dựng, Cơ quan Thường trực Hội đồng sử dụng con dấu của Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong các hoạt động liên quan đến Hội đồng.

### **Điều 8. Thời gian hoạt động của Hội đồng đối với công trình**

1. Thời gian hoạt động của Hội đồng đối với từng công trình được tính từ khi Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ và tự giải thể sau khi Hội đồng chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành của chủ đầu tư đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

2. Đối với các trường hợp sau đây thời gian hoạt động của Hội đồng đối với công trình sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Chủ tịch Hội đồng:

a) Công trình đã hoàn thành nhưng không đủ điều kiện để Hội đồng chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư;

b) Công trình đã được Hội đồng chấp thuận kết quả nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng có điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng chủ đầu tư không tổ chức thi công hoàn thiện toàn bộ công trình theo thiết kế được duyệt trong thời gian bảo hành công trình;

c) Công trình thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Công trình gặp khó khăn, vướng mắc, thi công kéo dài không xác định được thời gian hoàn thành.

### **Điều 9. Chi phí hoạt động của Hội đồng**

1. Chi phí hoạt động của Hội đồng bao gồm:

a) Chi phí cho các hoạt động kiểm tra chất lượng công trình, kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình;

b) Chi phí phụ cấp cho các thành viên của Hội đồng, Cơ quan Thường trực Hội đồng;

c) Chi phí thuê cá nhân, tổ chức tư vấn trong nước và nước ngoài để thực hiện các công việc Hội đồng giao;

d) Chi phí mua tài liệu kỹ thuật; chi phí khảo sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm, tham gia kiểm tra, chứng kiến công tác thí nghiệm, kiểm định các sản phẩm sản xuất tại nước ngoài, học tập kinh nghiệm trong nước và nước ngoài; chi phí phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng;

đ) Chi phí văn phòng phẩm, chi phí liên lạc, chi phí trang thiết bị văn phòng và chi phí đi lại;

e) Chi phí cho các hoạt động khác của Hội đồng.

2. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng được lấy từ kinh phí ngân sách chi thường xuyên và kinh phí dự trù trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình. Chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí kinh phí, phê duyệt dự toán, quyết toán và thanh toán chi phí của Hội đồng. Cơ quan Thường trực Hội đồng có trách nhiệm lập dự toán và thanh, quyết toán cho các hoạt động của Hội đồng đối với từng công trình.

### **Điều 10. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng.



## Điều 11. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra nhà nước các công trình xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các đơn vị là chủ đầu tư công trình, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./,

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). 106



THỦ TƯỚNG - CHÍNH TƯỚNG  
 Nguyễn Xuân Phúc